



**CHỨNG CHỈ PHÂN TÍCH
DƯỢC LIỆU CHUẨN DƯỢC ĐIỀN VIỆT NAM**

Số: 02/2022

TÀN GIAO

(*Radix Gentianae macrophyllae*)

SKS: HP0322058

Rễ đã được phơi, sấy khô của cây Tần giao (*Gentiana macrophylla* Pall.), họ Long đởm (Gentianaceae), đã được nghiền thành bột.

I. Mục đích sử dụng

Sử dụng trong phép thử định tính bằng phương pháp sắc ký lop mỏng.

II. Mô tả: Bột màu nâu vàng.

III. Liên kết chuẩn

- Chất chuẩn gentiopicrin (TRC - Canada), SKS: 2-LWJ-83-1, HL: 95,0 % ($C_{16}H_{20}O_9$), tính theo nguyên trạng.
- Chất chuẩn acid roburic (NIFDC - Trung Quốc), SKS: 111864-201603.
- Chất chuẩn acid loganic (Chengdu Biopurify Phytochemicals Ltd.), SKS: PRF21021943, HL: 98,64 % ($C_{16}H_{24}O_{10}$), tính theo khan; Độ ẩm 1,1 %.

IV. Kết quả phân tích

- 1. Bột** : Thể hiện các đặc điểm bột của dược liệu Tần giao.
- 2. Độ ẩm** : 4,1 %.
PP sấy (2 g, 105 °C, 5 h)
- 3. Tro toàn phần** : 5,3 %.
- 4. Tro không tan trong acid** : 1,4 %.

5. Định tính

Phản ứng hóa học : Thể hiện các đặc điểm phản ứng hóa học của dược liệu Tân giao.

Phương pháp SKLM

Phương pháp 1 : Sắc ký đồ của dung dịch thử có vết cùng màu sắc và giá trị R_f với vết gentiopicrin trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu.

Phương pháp 2 : Sắc ký đồ của dung dịch thử có vết cùng màu sắc và giá trị R_f với vết acid roburic trên sắc ký đồ của dung dịch chất đối chiếu.

6. Chất chiết được trong dược liệu

Phương pháp chiết nóng, dung môi là ethanol 50 %.

7. Định lượng

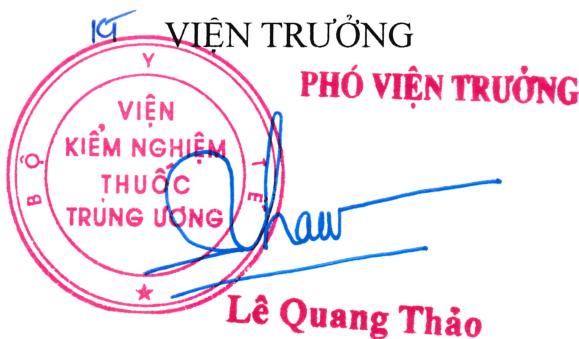
Phương pháp HPLC : 16,7 % tổng hàm lượng của gentiopicrin ($C_{16}H_{20}O_9$) và acid loganic ($C_{16}H_{24}O_{10}$), tính theo dược liệu khô kiệt.

V. Hướng dẫn sử dụng: Không sấy trước khi dùng.

VI. Bảo quản: Nhiệt độ 2 - 8 °C, tránh ánh sáng.

Kiểm tra định kỳ		
Dã kiểm tra	Kiểm tra lần sau	Phụ trách khoa (ký)
	05/2023	<i>Nguyễn</i>
07/2023	07/2024	<i>Nguyễn</i>
07/2024	07/2025	<i>Nguyễn</i>

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2022



Các thông tin về dược liệu chuẩn có thể tra cứu theo địa chỉ: <http://www.nidqc.org.vn>